

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kết quả đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học

Thời gian: ngày 14 tháng 5 năm 2024

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ

Tên đơn vị: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HOÀN MỸ THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: 241 Quốc lộ 1K, phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên Giám Đốc: **Ông Phạm Tuấn Phú**

Họ và tên người phụ trách khoa/phòng xét nghiệm: **Bà Lê Thị Anh Tú**

Điện thoại: 098 861 5915

Email: tu.le1@hoanmy.com

Các nhân viên PNX tham gia đánh giá, hướng dẫn và quan sát viên, đại diện cơ sở được đánh giá:

- Bà Lê Thị Anh Tú – Trưởng khoa
- Bà Nguyễn Thị Thảo Trang – Nhân viên
- Bà Lâm Thị Thùy Dương – Nhân viên
- Ông Trần Quang Tuấn – Nhân viên
- Bà Võ Thị Bảo Bảo – Nhân viên
- Ông Lương Quang Thật - Nhân viên

II. THÔNG TIN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Quyết định số 1094/QĐ - SYT ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2023 trong đó có nội dung đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm.

Trưởng đoàn: PGS.TS.BS.Tăng Chí Thượng, Giám đốc Sở Y tế.

Phó trưởng đoàn: TS.BS.Nguyễn Văn Vĩnh Châu, Phó Giám đốc, Sở Y tế.

Tổ 2:

- Ông Nguyễn Văn Vĩnh Châu, Phó Giám đốc Sở Y tế, Tổ trưởng;
- Bà Lữ Mộng Thuý Linh, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế, Tổ phó
- Bà Cao Thị Hồng Phúc, Bác sĩ hạng III, Phòng QLCL, BV Nhi đồng II, Thư ký;
- Ông Vũ Đình Dũng, Phó Trưởng khoa Sinh phẩm, Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm Thành phố, Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Kim Anh, Kỹ sư hạng III, Khoa Kiểm chuẩn, Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm Thành phố, Thành viên

III. PHÁT HIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ BẢNG CHỨNG LIÊN QUAN:

- Về an toàn sinh học – cơ sở vật chất: Đã công bố an toàn sinh học cấp II. Tuy nhiên cần bố trí lại vị trí của Phòng vi sinh (Diện tích phòng hiện chưa đạt yêu cầu)
- Về hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm:
 - Đối với các kế hoạch của Khoa cần viết chi tiết và cụ thể hơn (mục đích, nội dung, thời gian, ...)
 - Quản lý tài liệu, hồ sơ: Đối với những bản sao tài liệu hết hiệu lực cần bổ sung quy định xử lý, cần rà soát lại mã cũng như nội dung của một số biểu mẫu (Khảo sát hài lòng...)
 - Quản lý và kiểm soát quá trình xét nghiệm:

+ Nội kiểm: Nên cung cấp thêm thông tin các kết quả nội kiểm đã được xem xét định kỳ.

+ Ngoại kiểm: Nên tham gia ngoại kiểm đối với các xét nghiệm đã có triển khai chương trình ngoại kiểm để đảm bảo chất lượng mẫu, nồng độ mẫu... (ToRCH, Syphilis, H.Pylori...)

+ Đối với các xét nghiệm thực hiện so sánh liên phòng bên cạnh đánh giá kết quả ngắn hạn nên kết hợp đánh giá kết quả dài hạn (đánh giá cả chu kỳ thực hiện) để kiểm soát chất lượng xét nghiệm chặt chẽ hơn.

- Đào tạo: Nên thực hiện đánh giá sau đào tạo cho nhân viên mới

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO THANG ĐIỂM TRONG TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG PXN

	Nội dung	Điểm chuẩn		Điểm đánh giá		
		Số tiêu chí	Điểm tối đa áp dụng cho BV	Đơn vị tự đánh giá	Đoàn KT	Tỷ lệ đạt (%)
1.	Chương I. Tổ chức và Quản trị PXN	15	23	23	22	95.7%
2.	Chương II. Tài liệu và hồ sơ	8	10	10	9	90.0%
3.	Chương III. Quản lý nhân sự	17	21	21	19	90.5%

	Nội dung	Điểm chuẩn		Điểm đánh giá		
		Số tiêu chí	Điểm tối đa áp dụng cho BV	Đơn vị tự đánh giá	Đoàn KT	Tỷ lệ đạt (%)
4.	Chương IV. Dịch vụ và Quản lý khách hàng	10	13	11.5	9.5	73.1%
5.	Chương V. Quản lý trang thiết bị	19	30	27.5	30	100.0%
6.	Chương VI. Đánh giá nội bộ	9	13	13	12	92.3%
7.	Chương VII. Quản lý mua sắm vật tư, hóa chất và sinh phẩm	17	22	21	20	87.0%
8.	Chương VIII. Quản lý quá trình xét nghiệm	27	54	54.5	52.5	92.1%
9.	Chương IX: Quản lý thông tin	6	11	11	11	100.0%
10.	Chương X. Xác định sự KPH, hành động KPPN	6	14	14	14	100.0%
11.	Chương XI. Cải tiến liên tục	8	21	21	19.5	92.9%
12.	Chương XII. Cơ sở vật chất và an toàn	27	32	32	32	100.0%
	Tổng điểm	169	264	259.5	251	
	% điểm đạt được	93.5%				

(Tại thời điểm đánh giá, Bệnh viện báo cáo đang triển khai 91 kỹ thuật theo danh mục đính kèm)

V. KẾT LUẬN

- Tổng số kỹ thuật xét nghiệm có nội kiểm: 78/91
- Tổng số kỹ thuật xét nghiệm có ngoại kiểm: 77/91
- Tổng số kỹ thuật xét nghiệm liên thông (chỉ bao gồm các chỉ số xét nghiệm có thực hiện nội kiểm và ngoại kiểm): 19
- Tỷ lệ % số điểm PXN đạt được: **93.5%**
- Mức chất lượng: **4**


Đề nghị : Bệnh viện khắc phục các góp ý nhận xét của Đoàn kiểm tra theo biên bản.

VI. Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ: Đơn vị thống nhất với ý kiến của Đoàn kiểm tra.

Biên bản được lập thành 02 bản, Bệnh viện lưu 01 bản và Sở Y tế lưu 01 bản.

TỔ TRƯỞNG
SỞ Y TẾ
PHÒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Vĩnh Châu

THƯ KÝ

Cao Thị Hồng Phúc

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
CÔNG TY
CƠ PHÂN BỆNH VIỆN
ĐA KHOA QUỐC TẾ
HOÀN MỸ
THỦ ĐỨC

Phạm Tuấn Phú

T. NINH
★
MINH

CÔNG
★
THA

Phụ lục 1.

Danh mục xét nghiệm áp dụng để liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày // về nội dung công bố kết quả kiểm tra, đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học áp dụng để liên thông kết quả)

STT	MÃ TT43	Danh mục kỹ thuật áp dụng để liên thông của PXN (ghi rõ tên kỹ thuật XN sau khi có kết quả kiểm tra, đánh giá)	Thời gian tối đa	Ghi chú/ căn cứ
HUYẾT HỌC				
1	43.22.1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động		Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
2	43.22.5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động		Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
3	43.22.121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)		Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
4	43.22.143	Máu lắng (bằng máy tự động)	5 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
HOÁ SINH				
1	43.23.3	Định lượng Acid Uric	7 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
2	43.23.7	Định lượng Albumin	3 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
3	43.23.19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	3 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
4	43.23.20	Đo hoạt độ AST (GOT)	3 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
5	43.23.25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	1 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
6	43.23.27	Định lượng Bilirubin toàn phần	1 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
7	43.23.29	Định lượng Calci toàn phần	1 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
8	43.23.41	Định lượng Cholesterol toàn phần	7 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
9	43.23.51	Định lượng Creatinin	1 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.

10	43.23.83	Định lượng HbA1c	60 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
11	43.23.84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	7 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
12	43.23.112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	7 ngày	Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.
VI SINH				
1	43.24.3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	2 ngày	Có giá trị trong 2 ngày
2	43.24.6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	2 ngày	Có giá trị trong 2 ngày
3	43.24.17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen		Tùy thuộc vào bệnh lý và diễn biến lâm sàng của người bệnh.

